

1.4. Dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói

Việc dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói cho HS được thực hiện trong tiết thực hành và lồng ghép trong các bài học ở các hoạt động đọc văn bản, chính tả, HĐMR và nói sáng tạo.

Các dạng bài tập chủ yếu cho kiểu bài này gồm: mở rộng vốn từ bằng tranh gợi ý, mở rộng vốn từ bằng trò chơi ngôn ngữ, sử dụng bảng từ cho trước để phát triển lời nói, mở rộng vốn từ theo chủ đề/ nội dung bài học.

Một số gợi ý về cách thức tổ chức hoạt động dạy học:

(1) *Mở rộng vốn từ bằng tranh gợi ý*: GV hướng dẫn HS quan sát tranh và gọi tên sự vật, hiện tượng được mô tả trong tranh. HS đặt câu với mỗi từ tìm được.

VD: Bài P p ph, chủ đề 6 Đi sở thú, SHS tập một, trang 61

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*Tranh vẽ những vật gì?, Hãy giới thiệu một vật mà em biết và đã sử dụng.* GV gợi ý và có thể làm mẫu theo trình tự: tên vật, dùng để làm gì, dùng như thế nào, bảo quản như thế nào.).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: nói về *pi-a-nô, pi-gia-ma, phấn viết bảng*.

– HS nói trong nhóm nhỏ, trước lớp tên các vật *pi-a-nô, pi-gia-ma, phấn viết bảng* và giới thiệu 1 trong 3 vật trên (tùy từng HS, GV khuyến khích HS giới thiệu được 1 hoặc 2 hay cả 4 ý đã gợi ý và làm mẫu).

(2) *Mở rộng vốn từ bằng trò chơi ngôn ngữ*: GV nêu tên trò chơi, luật chơi, chia đội và tổ chức cho HS thực hiện trò chơi.

VD: Bài au êu, chủ đề 7 Thể thao, SHS tập một, trang 73

7. Hoạt động mở rộng

– HS đọc câu lệnh *Từ gì?*.

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (*"Tranh vẽ những ai?, Đang làm gì?"; "Đọc các chữ trong bóng nói."*).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: cùng bạn chơi trò chơi nói nối đuôi từ ngữ chỉ tên gọi các sự vật (GV hướng dẫn cách chơi: HS 1 nói từ hoặc cụm từ có 2 tiếng trở lên, HS 2 nói nối đuôi từ, cụm từ bắt đầu bằng tiếng cuối của cụm từ mà HS 1 đã nói, cứ như thế cho đến hết. GV nhận xét, khuyến khích theo số lượt nói.).

– HS chơi trò chơi nói nối đuôi (nhóm, trước lớp).

(GV có thể hướng dẫn HS nêu từ ngữ chỉ vật gần gũi, quen thuộc; từ ngữ liên quan chủ đề *Thể thao* có thể chỉ xuất hiện ở từ ngữ đầu tiên, VD: *đá bóng* → *bóng chuyền* → *chuyên qua* → ...; *nhảy dây* → *dây giày* → *giày thể thao* → ...

(3) *Sử dụng bảng từ cho trước để phát triển lời nói:* GV tổ chức cho HS quan sát tranh và đọc các từ ngữ được cho sẵn. GV đàm thoại gợi mở giúp HS lựa chọn ra từ thích hợp để nói về bức tranh (hoạt động, cảnh vật, con người, nơi chốn,...). HS kết hợp nói từ vừa tìm với câu trả lời cho các câu hỏi gợi ý sẵn có.

VD: Bài Thực hành, chủ đề 16 Ước mơ, VBT Tiếng Việt 1, tập một, trang 52

2. Luyện đọc và mở rộng vốn từ

– HS đọc yêu cầu của hoạt động: Điền các từ ngữ cho sẵn trong ngoặc đơn thích hợp với số thứ tự gắn với từng hình ảnh trong bức tranh dưới đây (*giáo viên, bộ đội, diễn viên, dược sĩ, thợ điện*).

– HS đọc bảng từ, quan sát tranh và thảo luận về nghĩa của từng thẻ từ (Gợi ý: GV có thể đặt câu hỏi: “Từ này nói về điều gì?”, “Các hình ảnh ở tranh minh họa chỉ ai?”, “Họ đang làm gì?”,...).

– HS thực hiện theo cặp/ nhóm nhỏ và đặt câu có chứa từ vừa tìm.

– HS tự đánh giá, nhận xét về phần trình bày của mình và của bạn.

(4) *Mở rộng vốn từ theo chủ đề/ nội dung bài học:* GV hướng dẫn HS quan sát tranh và nói thành câu về sự vật, hiện tượng có trong tranh. GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở để giúp HS gọi tên sự vật, hiện tượng và nói về những đặc điểm, hình dáng, hành động,... của sự vật hiện tượng đó tùy theo mục đích mở rộng vốn từ.

VD: Bài ứng dụng, chủ đề 12 Trung thu, SHS tập một, trang 125

7. Hoạt động mở rộng

– HS đọc câu hỏi và thảo luận trong nhóm về yêu cầu của bài tập. (Gợi ý: GV hướng dẫn HS quan sát tranh và tìm ra tên của các sự vật, hiện tượng có trong tranh. GV khuyến khích HS nói thêm về những sự vật hiện tượng không có trong tranh gợi ý nhưng có liên quan đến chủ đề/ nội dung bài học.)

– HS đặt câu với những từ vừa tìm được và đánh giá về phần thực hiện của mình và của bạn.